

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 3 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Châu

Ông Trần Đại Nghĩa

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Việt Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Bích T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 132/C1 ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
(Vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Phạm Minh H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 180/N ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Vũ Thị Bích T trình bày:

Chị Vũ Thị Bích T và anh Phạm Minh H tự nguyện quen biết tìm hiểu yêu thương nhau 01 (một) năm và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Thống Nhất vào ngày 06/02/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ đẻ anh H thuộc ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu

năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Mặt khác, giữa chị T và cha mẹ đẻ anh H không hợp nhau. Mỗi lần giữa chị và mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh H không phân biệt đúng sai đứng về phía cha mẹ mình xúc phạm chị T nên chị có cảm giác không được anh H và cha mẹ chồng tôn trọng. Từ tháng 5/2019 do mâu thuẫn xảy ra nên chị T đã dọn đồ về nhà cha mẹ đẻ tại xã G để sinh sống. Từ đó vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung. Lâu lâu anh H có đến thăm con nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau. Đến nay mâu thuẫn không thể hàn gắn được và chị T đã hết tình cảm với anh H nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Minh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là Phạm Kim H, sinh ngày 30/01/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân thu nhập bình quân 8 triệu/tháng. Con chung hiện sống cùng chị T..

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Thủy khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 18/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Phạm Minh H trình bày:

Anh H và chị Vũ Thị Bích T tự nguyện quen biết tìm hiểu yêu thương nhau 2 năm và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2017 như lời trình bày của chị T là đúng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ đẻ anh H thuộc ấp P, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ khi chị T sinh xong bé Phạm Kim H (năm 2018). Theo anh H nhìn nhận thì chị T là người phụ nữ sống nội tâm, mâu thuẫn nhỏ nhưng chị T cứ để dồn nén trong lòng lâu ngày và tích góp thành những mâu thuẫn lớn, mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì chị T hay tự ái và thường xuyên “mặt lạnh” không nói chuyện cùng anh H đến mấy tháng nên anh H có cảm giác chị T không yêu thương tôn trọng chồng. Anh H thừa nhận giữa cha mẹ anh và chị T có lời qua tiếng lại tuy nhiên đó chỉ là những lời góp ý của người lớn trong gia đình. Mỗi lần chị T và mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh chỉ góp ý để chị T biết đúng sai chứ bản thân anh không bênh vực mẹ đẻ. Mặc dù vậy, chị T luôn nâng quan điểm khiến tình cảm vợ chồng, tình cảm mẹ chồng nàng dâu ngày càng xa cách. Từ ngày 12/5/2019 khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do tức giận nên anh có nói nặng lời và chị T bỏ về nhà cha mẹ đẻ để sinh sống. Từ đó, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Bản thân anh đã nhiều lần đến nhà chị T mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không cho anh cơ hội. Đến nay mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau tuy nhiên bản thân anh vẫn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Hiện tại anh H không còn biện pháp gì để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là Phạm Kim H, sinh ngày 30/01/2018. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chị T thì anh H đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng anh H đồng ý. Con chung hiện sống cùng chị T.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Bích T được ly hôn với anh Phạm Minh H.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Kim H, sinh ngày 30/01/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn anh Phạm Minh H cư trú tại xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Nguyên đơn chị Vũ Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Minh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Bích T và anh Phạm Minh H tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã UBND xã G, huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình là có căn cứ phù hợp với lời khai của anh H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Mặt khác, trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên đã ngồi lại hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Anh H đã nhiều lần đến nhà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T không nói chuyện cùng anh H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất cũng đã tiến hành hòa giải, động viên chị T và anh H hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Chị T và anh H có 01 con chung có Phạm Kim H, sinh ngày 30/01/2018.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi con chung, nhận thấy: Con chung hiện sống cùng chị T, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị T được anh H đồng ý. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng:* Chị T hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T không yêu cầu nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T và anh H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí:** Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Vũ Thị Bích T.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho Vũ Thị Bích T và anh Phạm Minh H được ly hôn.

2. *Về con chung:*

Giao cháu Phạm Kim H, sinh ngày 30/01/2018 cho chị Vũ Thị Bích T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời anh Phạm Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Vũ Thị Bích T không yêu cầu. Anh Phạm Minh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Vũ Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0006367 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thùy Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thùy Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND P. Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Phúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất,- tỉnh Đồng Nai.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thơm**

2. Bà **Hà Thị Linh Thúy**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, về “Xin ly hôn”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vương** - sinh năm: 1985

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhac 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Lâm Quang Tuấn** - sinh năm: 1986

Địa chỉ: số 123/T, ấp Phúc Nhac 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

* *Ý kiến của HTND Thơm:* Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

* *Ý kiến của HTND - Thúy:* Nhất trí với ý kiến của HTND - Thơm.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa:* Về điều luật áp dụng, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

* *Ý kiến của HTND - Thúy:*

- Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Vương và ông Lâm Quang Tuấn được ly hôn .

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Lâm Gia Hân - sinh ngày: 06/11/2011 cho bà Vương tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

+ Ông Lâm Quang Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bù khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Vương phải bù 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 002211 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

* *Ý kiến của HTND Thom*: Nhất trí với ý kiến của HTND - Thúy.

* *Ý kiến của Thẩm phán - chủ tọa*: Về nội dung, nhất trí với ý kiến của hai HTND.

Hội đồng xét xử biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA